

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U M T
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **04/2022/DS-ST**

Ngày: 25-02-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Ông Lâm Tấn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T tham gia phiên tòa:
Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U M T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2021/TLST-DS, ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Phương N, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T Đ, xã A M B, huyện U M T, Kiên Giang.

2. Bị đơn: Bà Bùi Kim L, sinh năm 1977 vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T Y, huyện U M T, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Phương N trình bày:

Ngày 09/01/2019 (âm lịch) bà Bùi Kim L đến nhà tôi hỏi vay số tiền là 35.000.000 đồng để làm vốn mua bán, đây là số tiền tôi dành dụm để cho con học đại học, nhưng với lời nài nỉ của bà L và hứa hàng tháng sẽ trả cho tôi lãi suất 3%, sau 01 năm sẽ trả lại toàn bộ số tiền vốn ban đầu cho tôi, nên tôi đã đồng ý và đưa tiền cho bà L số tiền trên. Sau đó đến tháng tôi có đến tìm bà L để lấy lãi cho con đi học, nhưng bà L không hề đóng lãi theo thỏa thuận, và liên tục những tháng sau đó cũng vậy, nên tôi đã nhiều lần gặp bà L, nếu không đóng lãi theo thỏa thuận thì trả lại vốn cho tôi, nhưng bà L vẫn không trả.

Nay tôi yêu cầu Bà Bùi Kim L trả cho tôi số tiền gốc 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu ai khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 10/01/2022 của bị đơn bà Bùi Kim L trình bày:

Cách nay khoảng 6 -7 năm tôi có hỏi vay chỗ chị N nhiều lần lãi suất 10.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. Đến ngày 09/01/2019 thì tổng kết lại tôi còn nợ chị N số tiền 35.000.000 đồng. Chị N kêu tôi ký giấy mượn nợ vào ngày 09/01/2019 . Từ đó đến nay tôi đóng lãi nhiều, nhưng không nhớ cụ thể bao nhiêu tiền. Nay chị N yêu cầu tôi đồng ý trả cho chị N số tiền 35.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng bắt đầu từ ngày 01/3/2022 cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng bị đơn bà Bùi Kim L vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Bùi Kim L là đúng quy định tại Điều 227,228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Bà Lê Thị Phương N yêu cầu bị đơn bà Bùi Kim L trả tiền vay gốc là 35.000.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U M T.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2022 và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn bà N và bị đơn bà L cũng đã thống nhất được số tiền vay là phía bà L còn nợ lại bà N số tiền 35.000.000 đồng, phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi. Phía bị đơn bà L cho rằng hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên xin trả dần, mỗi tháng trả 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng 03/2022, nhưng phía

nguyên đơn bà N không đồng ý. Xét thấy về tổng số nợ hai bên đã thống nhất nghĩ nên ghi nhận, hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ. Bị đơn xin trả dần nguyên đơn không đồng ý. Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Do phía nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bà Bùi Kim L phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Bà Lê Thị Phương N không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho bà Nam số tiền 875.000 đồng theo lai thu số 0003083 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, 227, 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Phương N đối với bị đơn bà Bùi Kim L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc Bà Bùi Kim L trả cho bà Lê Thị Phương N số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn bà Bùi Kim L không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Kim L phải nộp án phí giá ngạch số tiền: 35.000.000 đồng x 5% = 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Bà Lê Thị Phương N không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm nộp cho bà N số tiền 875.000 đồng theo lai thu số 0003083 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Bùi Kim L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Lợi